

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Đường dây và TBA 110kV đấu nối cụm thủy điện
Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3081/STNMT-MTK ngày 14/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường dây và TBA 110kV đấu nối cụm thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia, kèm theo Biên bản họp hội đồng thẩm định dự án ngày 13/12/2022;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 479/TTr-STNMT ngày 07/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường dây và TBA 110kV đấu nối cụm thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia của Công ty Cổ phần kinh doanh xi măng Miền Bắc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Mường Tè và các xã: Bum Tở, Bum Nưa, Vàng San, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh công khai danh sách Hội đồng thẩm định và Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường dây và TBA 110kV đấu nối cụm thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: GTVT, XD, NN&PTNT, CT, KH&CN;
- Phòng TN&MT huyện Mường Tè;
- UBND thị trấn Mường Tè; UBND các xã: Bum Tở, Bum Nưa, Vàng San huyện Mường Tè;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công khai);
- V1, V3;
- Lưu: VT, Kt1, Kt7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐƯỜNG DÂY VÀ TBA 110KV ĐẤU NỐI CỤM THỦY ĐIỆN NẬM CẦU
VÀO LƯỚI ĐIỆN QUỐC GIA**

*(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày/3/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường dây và TBA 110kV đấu nối cụm thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Mường Tè và các xã: Bum Tở, Bum Nưa, Vàng San huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần kinh doanh xi măng Miền Bắc.

1.2. Phạm vi quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô sử dụng đất

Tổng diện tích dự kiến sử dụng là khoảng 11.579m². Trong đó: diện tích đất TBA 110/35kV và diện tích móng cột G1/C1 là 8.179,8m² (đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho Công ty Cổ phần kinh doanh xi măng Miền Bắc thuê đất) và diện tích đất dự kiến sử dụng các móng cột G1'/C2; G2/C3; G3/C4; C5; G4/C6; G5/C7; G6/C8; C9; G7/C10; C11, G1A là 3.399,2m² (đất trồng lúa 1 vụ diện tích 309,02m², đất nương rẫy diện tích 618,04m², đất trồng cây lâu năm diện tích 309,02m², đất rừng sản xuất diện tích 306,62m², đất rừng phòng hộ diện tích 925,03m², đất chưa sử dụng diện tích 931,51m²).

1.2.2. Quy mô tuyến đường dây và Trạm biến áp

- Tổng chiều dài tuyến đường dây 110kV đấu nối cụm thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia khoảng 7.560,5m với tổng số 12 móng cột.

- Xây dựng trạm biến áp 110/35kV công suất 32MVA: Phía 110kV thiết kế sơ đồ một thanh cái, lắp đủ máy cắt 01 ngăn MBA, 02 ngăn đường dây; Phía 35kV lắp mới 03 quả TI mới, cải tạo tủ xuất tuyến 35kV hiện trạng của NMTĐ Nậm Cầu 2 thành tủ tổng 35kV, tận dụng tủ xuất tuyến 35 dự phòng cho tủ đấu nối NMTĐ Nậm Cầu 1. Tận dụng hệ thống thanh cái 35kV hiện trạng của NMTĐ Nậm Cầu 2.

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ dẫn điện trên không, truyền tải điện từ cụm thủy điện Nậm Cầu về trạm biến áp 220kV Mường Tè.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Xây dựng tuyến đường dây 110kV đấu nối cụm Thủy điện Nậm Cầu vào lưới điện Quốc gia (Điểm đầu: Póc tích 110kV trạm OPY 110kV nhà máy thủy điện Nậm Cầu 2; Điểm cuối: Póc tích 110kV(ngăn E08) trạm 220kV Mường Tè).

+ Dây dẫn: ACSR-185/29mm², ACSR-185/43mm², ACSR- 185/128mm²; Dùng cách điện thủy tinh chế tạo theo tiêu chuẩn IEC.

+ Dây chống sét: Tuyến treo 02 dây cáp quang kết hợp chống sét loại OPGW-57 (loại 24 sợi quang đơn mode, tiêu chuẩn ITU-T G.652) cho đoạn 2 mạch. Tuyến treo 01 dây cáp quang kết hợp chống sét loại OPGW-57 (loại 24 sợi quang đơn mode, tiêu chuẩn ITU-T G.652) kết hợp chống sét và 01 dây cáp thép mạ kẽm loại TK-50 cho đoạn 1 mạch.

+ Nối đất: Sử dụng nối đất kiểu tia cho các vị trí cột. Sử dụng cột thép hình tháp mạ kẽm 1 mạch, 2 mạch, 2 dây chống sét đứng tự do liên kết bằng bu lông. Móng: Sử dụng móng bê tông cốt thép đúc tại chỗ, mác bê tông M200.

+ Tuyến đường dây được chia làm 04 đoạn, gồm:

Đoạn 1: Từ Pooc tích 110kV trạm 110kV Nậm Cầu 2 đến G2 (chiều dài: 487m; số mạch: 02 mạch; số cột: 02 cột).

Đoạn 2: Từ G2 đến G9 (G5 tuyến Nậm Bùm - trạm 220kV Mường Tè; chiều dài: 4.909m; số mạch: 01 mạch; số cột: 09 cột).

Đoạn 3: Từ G5 (tuyến Nậm Bùm - trạm 220kV Mường Tè) đến G1 (tuyến Nậm Bùm - trạm 220kV Mường Tè; chiều dài: 1848,5m; số mạch: 02 mạch; số cột: 07 cột).

Đoạn 4: Từ G1 (tuyến Nậm Bùm - trạm 220kV Mường Tè) đến Pooc tích 110kV (E08) trạm 220kV Mường Tè (chiều dài: 316m; số mạch: 01 mạch; số cột: 01 cột).

- Trạm biến áp được xây dựng ở sân phân phối 110kV thủy điện Nậm Cầu 2 thuộc địa phận xã Bum Tờ, huyện Mường Tè. Toàn bộ trạm biến áp 110kV Nậm Cầu 2 chiếm diện tích khoảng 8.179,76m². Kiểu trạm nửa trong nhà, nửa ngoài trời. Các thiết bị nhất thứ phía 110kV được lắp đặt ngoài trời, các tủ điều khiển và phân phối 35kV được lắp đặt trong nhà.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là chuyển đổi mục đích đất rừng phòng hộ 925,03m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị: Hoạt động giải phóng mặt bằng.

- Giai đoạn thi công: Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, đất đá thải và đào đắp, thi công các hạng mục công trình của dự án sẽ phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, đất đá thải, phế thải, chất thải nguy hại... gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt, hệ thống giao thông, cảnh quan môi trường khu vực dự án....

- Giai đoạn vận hành: Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng định kỳ đường dây và trạm biến áp; chất thải nguy hại phát sinh do thay thế thiết bị, sửa chữa có yếu tố nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các

giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 12,75m³/ngày (24 giờ) tương đương khoảng 2,1m³/ngày/khu vực lán trại.

+ Nước thải xây dựng: Tổng lượng nước thải thi công xây dựng các vị trí móng cột khoảng 218m³ tương đương khoảng 18m³/móng cột.

+ Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, vi sinh vật, dầu mỡ khoáng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 0,75 m³/ngày (24 giờ) với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, nitơ, phốt pho, coliform.

+ Nước thải nhiễm dầu từ trạm biến áp: Khối lượng phát sinh khoảng 45m³/sự cố.

3.1.2. Nguồn phát sinh, Quy mô, tính chất khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi phát sinh do quá trình đào đắp, san nền bằng máy móc và thủ công; bụi, khí thải do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị của Dự án. Các thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi thô, khí SO₂, NO_x, CO...

- Giai đoạn vận hành: Hầu như không phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh khoảng 68kg/ngày tương đương khoảng 11,2kg/ngày/vị trí lán trại.

+ Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 04kg/ngày.

- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn do hoạt động phát quang thực bì khoảng 3,22 tấn; đất đá đổ thải phát sinh từ 12 móng cột khoảng 586m³; rác thải xây dựng phát sinh khoảng 2,52 tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn phát sinh do chặt tỉa cành cây trong phạm vi hành lang tuyến đường dây khoảng 01 tấn đến 03 tấn/năm.

- Quy mô, tính chất chất thải nguy hại

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Khoảng 8kg/tháng. Thành phần chủ yếu: xăng, dầu rò rỉ từ máy thi công, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang...

+ Giai đoạn vận hành: Khoảng 6,7kg/tháng. Thành phần chủ yếu: dầu,

mỡ, giẻ dính dầu mỡ, các bóng đèn huỳnh quang, ắc quy thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công trên công trường và các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng....

+ Tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ Độ rung đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- Giai đoạn hoạt động: Hầu như không phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.4. Các tác động môi trường khác

- Tác động do chiếm dụng đất rừng phòng hộ làm mất chức năng phòng hộ của rừng tăng nguy cơ thiên tai; tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học của khu vực, thu hẹp sinh cảnh gây ảnh hưởng đến các hoạt động của động, thực vật rừng.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội khu vực: Tăng khả năng xung đột cộng đồng và phát sinh tệ nạn xã hội.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước thải xây dựng

+ Tại các vị trí thi công móng cột: Bố trí các rãnh thu nước (chiều rộng x chiều sâu = 1,0m x 1,0m, chiều dài tùy thuộc vào điều kiện địa hình và khoảng cách từ vị trí rửa cốt liệu đến hố lắng) và hố lắng tạm (hố đất, có dung tích khoảng $5,0 \div 8,0m^3$) để thu toàn bộ lượng nước thừa vào hố lắng trước khi cho chảy vào nguồn tiếp nhận. Các rãnh thu nước và hố lắng có thể được sử dụng cho cả việc thu gom nước mưa chảy tràn. Nước thải sẽ được chảy ra suối Nậm Bùm (từ cột G5 đến G7), suối Nậm Cầu (từ cột G7 đến G1A).

+ Tại vị trí thi công TBA 110kV Nậm Cầu 2: Nước ở TBA sẽ chảy theo hệ thống rãnh thu nước mưa... nên lượng nước thi công thừa sẽ được thu gom vào hệ thống các rãnh thu nước và hố ga hiện có để lắng đọng các chất cặn bã trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải nhiễm dầu từ trạm biến áp

Xây dựng hố thu dầu có kích thước 11m x 8,6m, độ sâu hố thu 0,35m. Tường bao quanh hố thu xây gạch M75. Đáy hố thu dầu bằng bê tông B7,5 dày 150mm được tạo dốc về phía đặt ống thoát dầu. Trong lòng hố thu dầu đổ lớp đá dăm 4mm x 6mm dày trung bình 0,35m. Đáy hố dầu được tạo dốc 2% về phía rón thu dầu có đặt ống thoát dầu.

Dầu sự cố (nếu có) sẽ được thu vào hố thu dầu và chảy theo đường ống thoát dầu bằng ống thép đen $\Phi 200$ đến bể dầu sự cố đặt trong trạm. Bể chứa dầu sự cố có thể tích 45m^3 , đáy bể bằng bê tông cốt thép B15 đá 2mm x 4mm, dày 200mm. Nắp bể bằng bê tông cốt thép B15 đá 1mm x 2mm dày 150mm. Thành bể xây gạch đặc vữa xi măng M75.

Nước thải này sẽ được thu gom vào kho chất thải nguy hại và chủ dự án đầu tư chuyên giao cho đơn vị được cấp giấy phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định pháp luật.

- Nước thải sinh hoạt

+ Tại 03 vị trí xây dựng lán trại (Lán trại 01: Khu vực gần trạm biến áp Thủy điện Nậm Cầu 2; lán trại 02: Khu vực gần vị trí thi công cột C9; lán trại 03: Khu vực gần cột số 1A) sẽ bố trí 03 nhà vệ sinh di động (với kích thước $1,3\text{m} \times 0,95\text{m} \times 2,45\text{m}$; bể chứa chất thải 400 lít; bể dự trữ nước 500 lít). Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được thuê đơn vị chức năng thu gom và xử lý không thải ra môi trường. Bố trí các hố lắng tạm (hố đất có kích thước $1,0\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$) để thu gom, để lắng các nguồn nước thải sinh hoạt khác như tắm giặt, rửa thức ăn trước khi cho chảy vào nguồn tiếp nhận suối Nậm Cầu và Nậm Bùm.

+ Tại 03 lán trại thuê ở khu vực khu phố 2,4,5 hoặc 6, lượng nước thải phát sinh ở 3 lán trại này sẽ xử lý theo hệ thống hiện có của nhà dân.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này được thu xuống bể tự hoại $4,5\text{ m}^3$ (được xây dựng tại công trình thủy điện Nậm Cầu 2). Sau khi lắng đọng và phân hủy sinh học, nước thải sẽ chảy vào hệ thống thoát nước của trạm và hòa vào hệ thống thoát nước chung trong khu vực.

4.1.2. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm cả đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật môi trường.

- Tổ chức thi công làm dứt điểm từng đoạn, từng hạng mục, làm tới đâu thu dọn hiện trường và làm vệ sinh ngay tới đó.

- Khi tiến hành thi công, bố trí hợp lý mật độ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, các phương tiện hoạt động đúng công suất thiết kế, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.

- Che phủ bạt đối với một số nguyên vật liệu xây dựng được tập kết tại mặt bằng công trường như cát, đá, xi măng... để hạn chế bụi phát sinh tại khu vực. Giảm tốc độ phương tiện xuống dưới 30km/giờ khi đi qua các khu vực đông dân cư.

- Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện và thiết bị thi công, vận chuyển. Hạn chế sử dụng các loại xe đã quá cũ để giảm thiểu mức độ gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với các vị trí cần dập bụi tại các tuyến đường vận chuyển gần khu dân cư: Sử dụng xe tưới nước chuyên dùng được thuê tại huyện Mường Tè.

- Đối với các vị trí thi công các móng cột đa phần nằm trên đồi núi, có cây cối xung quanh, nên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công, chủ đầu tư sẽ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân bên cạnh đó cũng có sự ngăn cản bụi của cây cối xung quanh.

4.1.3. Công trình và biện pháp thu gom, thoát nước mặt, nước mưa chảy tràn

- Giai đoạn xây dựng:

+ Bố trí các máy bơm nước có công suất phù hợp để bơm lượng nước mưa bị ngấm hoặc chảy tràn vào các hố móng. Nước sau khi bơm và nước mưa chảy tràn được dẫn vào các hố thu nước, xử lý theo phương pháp lắng trước khi chảy ra môi trường.

+ Quanh các bãi thi công và các hố móng đều được bố trí các rãnh tạm thu gom và thoát nước mưa. Rãnh thoát nước có độ dốc đáy từ 1% đến 3%, bố trí các hố thu nước kết hợp lắng, cách nhau khoảng 10m đến 20 m. Kích thước rãnh 0,5mx0,5m x0,8m; kích thước hố ga 1mx1mx1m.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước mưa chảy tràn bề mặt tại trạm theo độ dốc nền đường, nền trạm chảy xuống các hố ga (*kích thước 1mx1m x1m*) thu nước bố trí xung quanh trạm sát bên đường nội bộ, các hố ga được liên thông với nhau bằng ống PVC $\Phi 114$ có độ dốc lệch nhau dẫn nước chảy dần ra hố ga đặt gần tường rào sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của trạm.

+ Nước mưa trên mái nhà vận hành và trong mương cáp thoát về hệ thống các hố ga thu nước bằng đường ống PVC $\Phi 114$.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn xây dựng

- Một phần phế thải như sắt thép vụn, loại gỗ vụn, vỏ bao xi măng, thùng đóng gói thiết bị, máy móc, hộp xốp... được thu gom, phân loại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với lượng đất đá đổ thải: Được san ra xung quanh móng cột trong phạm vi 30m, những vị trí móng cột yếu sẽ xây dựng kê rọ đá chống sạt lở (cột 3 kích thước kê dài x rộng x cao: 15m x 1m x 1,5m; cột 6 kích thước kê dài x rộng x cao: 15m x 1m x 1,5m; cột 8 kích thước kê dài x rộng x cao: 18m x 1m x 1,5m).

b) Chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Tại vị trí các lán trại, sẽ bố trí các thùng rác chuyên dụng bằng nhựa composit không bị oxy hóa, có nắp dung tích thùng khoảng 50 lít đến 120 lít để thu gom rác thải sinh hoạt, bố trí khoảng 12 thùng.

+ Đối với lán trại 01 được xây dựng ở vị trí xây dựng trạm biến áp Nậm Cầu 2, rác thải sinh hoạt sẽ được phân loại và xử lý thu gom theo phương pháp thu gom, xử lý của nhà máy thủy điện Nậm Cầu 2.

+ Đối với lán trại 02: Khu vực gần vị trí thi công cột C9 nằm ở xã Bum Nua, xây dựng 01 hố chôn lấp cách lán trại khoảng 20m có thể tích khoảng 2 m³ (kích thước 2m x 1m x 1m có chống thấm và thoát, xử lý nước rỉ rác).

+ Lán trại 03: Khu vực gần cột số 1A nằm trên địa bàn xã Vàng San, xây dựng 01 hố chôn lấp cách lán trại khoảng 20m có thể tích khoảng 2m³ (kích thước 2m x 1m x 1m có chống thấm và thoát, xử lý nước rỉ rác).

+ Các hố chôn lấp có lớp lót chống thấm bằng HPDE, đảm bảo độ thấm của nền hố $\leq 10^{-7}$ cm/s. Trên lớp lót chống thấm là tầng thu nước rác gồm 2 lớp vật liệu (lớp dưới rải đá dăm dày 10cm, lớp trên rải cát thô dày 10cm, độ dốc 3% về ống thu). Nước rỉ rác theo ống thu dẫn về bể thu gom nước rỉ rác (bể có dung tích 1m³; kích thước dài x rộng x cao: 1mx1mx1m; bể có nắp đậy bê tông cốt thép; trên nắp bể bố trí ống nhựa PVC $\Phi 21$ để thoát khí; bể chứa nước rỉ rác bố trí bên cạnh bãi chôn lấp).

+ Quy trình chôn lấp: Tần suất chôn lấp rác sinh hoạt 01lần/ngày. Sau mỗi lớp đổ rác sẽ san phẳng và lấp kín bề mặt bằng đất với chiều dày lớp đất khoảng 5,0cm. Mỗi lớp đổ rác khoảng 0,1m. Sau mỗi một 01 lớp rác sẽ rắc vôi lên trên sau đó phủ lớp đất.

+ Còn lại dự kiến thuê 03 nhà dân ở khu phố 2,4,5 hoặc 6 có tuyến đường thi công đi qua làm lán trại 04,05 và 06, nằm ở khu vực thị trấn Mường Tè (có đơn vị thu gom rác): Đơn vị thi công ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt của địa phương để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

- Giai đoạn vận hành: Rác thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân vận hành quản lý đường dây và nhà máy thủy điện Nậm Cầu 2. Rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom bằng 3 thùng rác loại 120 lít bố trí quanh nhà điều vận hành, sau đó sẽ được vận chuyển và xử lý theo nhà máy thủy điện Nậm Cầu 2.

4.2.2. Chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công:

+ Xây dựng kho chứa CTNH diện tích khoảng 5m², có mái che và biển ghi rõ CTNH, kho chứa CTNH cách khu vực lán trại 05 khoảng 20m. Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này sẽ được thu gom vào các thùng nhựa 50 lít đến 120 lít, bố trí khoảng 03 thùng.

+ Lượng chất thải nguy hại phát sinh ở vị trí thi công TBA 110kV Nậm Cầu 2 sẽ được thu gom vào kho lưu trữ chất thải nguy hại của nhà máy thủy điện Nậm Cầu 2.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại sẽ được thu gom và lưu giữ vào 02 thùng phuy có dung tích 120lít trong kho chứa CTNH (hiện có của nhà máy thủy điện Nậm Cầu 2).

- Hợp đồng với các đơn vị được cấp giấy phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Các rủi ro về thiên tai

Chủ động xây dựng biện pháp phòng chống và ứng phó khi xảy ra các sự cố do thiên tai (mưa lũ, bão, động đất...).

Định kỳ kiểm tra tình trạng an toàn của các móng cột, thực hiện các giải pháp kỹ thuật như kê gia cố móng, sửa chữa rãnh thoát nước... khi thấy cần thiết.

Kiểm tra khả năng hoạt động hiệu quả của hệ thống chống sét (dây chống sét, tiếp địa...).

b) Cháy nổ do phóng điện trên đường dây truyền tải

Định kỳ kiểm tra để phát hiện tình trạng suy giảm, hư hỏng bề mặt của cách điện do phải vận hành trong tình trạng nhiễm bẩn, chất lượng của bề mặt cách điện kém. Từ đó có giải pháp thay thế, sửa chữa và vệ sinh để đảm bảo tuyến đường dây hoạt động an toàn.

Xây dựng nội quy an toàn, phòng chống cháy nổ trong giai đoạn vận hành, đặc biệt là đoạn tuyến đi qua diện tích đất có rừng.

Công tác kiểm tra hành lang tuyến được thực hiện thường xuyên theo quy định của ngành điện nhằm thực hiện tốt công tác phòng chống sự cố cháy rừng.

Tuyên truyền, tập huấn cho công nhân vận hành đường dây trong quá trình kiểm tra hành lang tuyến, bảo dưỡng đường dây, có ý thức bảo vệ tài nguyên rừng, sử dụng lửa an toàn trong quá trình bảo dưỡng đường dây, có ý thức phòng chống cháy rừng.

Trong quá trình kiểm tra hành lang tuyến, bảo dưỡng đường dây thu dọn cây, cành cây chặt hạ tập hợp tại nơi quy định. Xử lý phân cây, cành cây này bằng cách tận thu hoặc cho người dân làm chất đốt.

Đặt biển báo cấm lửa tại những vị trí cột thuộc phạm vi rừng.

Lập kế hoạch phối hợp với đơn vị quản lý rừng và địa phương xây dựng biện pháp cụ thể phối hợp phòng chống cháy rừng.

c) Chập điện, mất trộm thiết bị (thanh giằng cột điện, ốc vít bu lông...)

Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn về các quy định, quy phạm về an toàn điện, phòng chống cháy nổ cũng phải được hướng dẫn trong tập huấn.

Nhân viên vận hành phải tuân thủ tuyệt đối các quy phạm, quy trình lắp đặt và vận hành, sửa chữa các thiết bị điện; dự án sẽ lắp đặt các thiết bị cách điện để tránh khả năng gây sự cố về điện.

Đơn vị vận hành phải tuyên truyền trong nhân dân khu vực có dự án đi qua về mức độ nguy hiểm và công tác an toàn điện. Đặt biển báo an toàn theo quy định của ngành điện tại các khu vực nhạy cảm để người dân trong vùng biết và không vi phạm.

Nghiêm cấm tất cả các đối tượng có hành vi phá hoại các thiết bị trên cột và đường dây điện...

Phối hợp với công an địa phương, tuyên truyền và xử lý các vi phạm trộm cắp các thiết bị điện.

d) Sự cố đứt dây dẫn điện hoặc dây chống sét

Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng tuyến đường dây, kịp thời phát hiện và xử lý các nguy cơ có thể dẫn đến sự cố đứt dây dẫn, dây chống sét như (suy giảm chất lượng dây do điều kiện thời tiết, môi trường; các cây, cành có khả năng gãy đổ vào tuyến đường dây...).

e) Sự cố đổ, nghiêng trụ điện cao thế

Đơn vị vận hành kiểm tra định kỳ phần móng cột nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các hiện tượng xói lở, lún nứt....

Kiểm tra kè, hệ thống thoát nước, hệ thống chống xói mòn, trôi đất quanh vị trí móng cột để phát hiện và kịp thời khắc phục những hư hỏng trong quá trình vận hành tuyến đường dây.

Phối hợp với Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn hệ thống điện quốc gia trên địa bàn thực hiện phương án đề phòng và xử lý sự cố đường dây, rủi ro khi sạt lở móng cột, ngã đổ đường dây nhất là mùa mưa bão.

g) Sự cố hàng không, quân sự

Thực hiện sơn màu trắng, đỏ từ khoảng chiều cao cột từ 50m trở lên và đặt đèn tín hiệu trên đỉnh cột trong các trường hợp sau:

Cột điện cao từ 80m trở lên;

Cột điện cao trên 50m đến dưới 80m nhưng ở vị trí có yêu cầu đặc biệt.

h) Sự cố rò rỉ dầu cách điện trong máy biến áp

Dầu từ máy biến áp sẽ được thu vào hố thu dầu có kích thước dài x rộng 11m x 8,6m, độ sâu hố thu 0,35m. Tường bao quanh hố thu xây gạch M75. Đáy hố thu dầu bằng bê tông B7,5 dày 150mm được tạo dốc về phía đặt ống thoát dầu. Trong lòng hố thu dầu đổ lớp đá dăm 4mm x 6mm dày trung bình 0,35m. Đáy hố dầu được tạo dốc 2% về phía rón thu dầu có đặt ống thoát dầu.

Dầu sự cố (nếu có) sẽ được thu vào hồ thu dầu và chảy theo đường ống thoát dầu bằng ống thép đen $\Phi 200$ đến bể dầu sự cố đặt trong trạm.

Bố trí bể chứa dầu sự cố (1 bể) có khả năng chứa được toàn bộ lượng dầu có trong 01 máy biến áp khi có sự cố. Bể có thể tích 45m^3 ; đáy bể bằng bê tông cốt thép B15 đá 2 mmx 4mm, dày 200mm. Nắp bể bằng bê tông cốt thép B15 đá 1mm x 2mm dày 150mm. Thành bể xây gạch đặc vữa XM M75.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện quản lý môi trường trong từng giai đoạn của dự án (chương trình quản lý môi trường chi tiết nêu tại báo cáo ĐTM được phê duyệt).

5.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ dự án

5.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, tổng Coliform, dầu mỡ, Sunfua.

+ Vị trí giám sát: 03 vị trí sau khi xử lý tại 03 khu vực lán trại của dự án (*Khu vực gần trạm biến áp Thủy điện Nậm Cầu 2; Khu vực gần vị trí thi công cột C9; Khu vực gần cột số 1A*).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

- Nước thải xây dựng:

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Sắt (Fe), tổng N, dầu mỡ khoáng, coliform.

+ Vị trí giám sát: 03 vị trí tại điểm thoát nước thải sau hồ lắng tạm (*Khu vực gần trạm biến áp Thủy điện Nậm Cầu 2; Khu vực gần vị trí thi công cột C9; Khu vực gần cột số 1A*).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B.

- Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

+ Vị trí các điểm giám sát: Tại các khu vực lán trại (dự kiến 06 vị trí, số lượng có thể tăng hoặc giảm tùy theo số lán trại hiện có tại thời điểm giám sát).

+ Giám sát: Khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định; phân loại; chủng loại; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải nguy hại.

+ Thực hiện quản lý chất thải rắn chất thải nguy hại theo các quy định của

pháp luật và 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giám sát sạt lở, xói mòn, sụt lún
- + Vị trí giám sát: Toàn bộ các vị trí móng cột có nguy cơ sạt lở.
- + Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình thi công.
- + Chỉ tiêu giám sát: Quan sát bằng mắt, kịp thời phát hiện các nguy cơ trượt lở, ngập lụt để có các biện pháp khắc phục.

5.2.2. Giai đoạn hoạt động:

- Giám sát điện trường
- + Vị trí giám sát: 2 vị trí ở 2 đầu tuyến đường dây (trùng với TBA 220kV Mường Tè và TBA 110kV Nậm Cầu 2).
- + Thông số giám sát: Cường độ điện trường; tần số điện từ trường.
- + Tần suất giám sát: 01 lần/năm.
- + Chỉ tiêu giám sát: Cường độ điện trường theo quy định của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về việc quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Thông tư số 25/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp – Mức tiếp xúc cho phép điện từ trường tần số công nghiệp tại nơi làm việc.

- Giám sát việc phát quang (chặt hạ cây cối)
- + Vị trí giám sát: Các vị trí tuyến đường dây cắt qua diện tích đất có rừng.
- + Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình thi công.
- + Chỉ tiêu giám sát: Phòng vãn người dân, quan sát bằng mắt phạm vi phát tuyến và cách thức xử lý thực bì từ quá trình phát quang.

- Giám sát khác: Tiến hành giám sát sự cố rò rỉ dầu từ bể chứa dầu sự cố trạm biến áp.

- + Tần suất: 06 tháng/lần.
- + Vị trí giám sát: Tại vị trí bể chứa dầu sự cố.
- + Chỉ tiêu giám sát: Quan sát bằng mắt, kịp thời phát hiện các nguy cơ nứt, vỡ bể chứa dầu sự cố để có các biện pháp khắc phục.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Việc triển khai thực hiện dự án phải đảm bảo đúng theo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đầy đủ các thủ tục về chuyển đổi rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án theo các quy định hiện hành.

- Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng khu vực Dự án và lân cận: Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị quyết số 71/NQCP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản khác có liên quan.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý giao thông và chính quyền địa phương để thống nhất kế hoạch thi công đường dây tại những điểm giao cắt với đường giao thông; thực hiện thủ tục cấp phép trước khi thi công tại các vị trí giao cắt với đường giao thông.

- Thực hiện các biện pháp cải tạo, nới đất công trình, bảo đảm quy định về an toàn điện của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định về bảo vệ hành lang an toàn lưới điện trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý đất đai, an toàn điện, phòng, chống thiên tai và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ ứng phó với các tình huống thiên tai, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn tại khu vực Dự án trong quá trình thi công và vận hành.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã đề xuất thực hiện./